

CẤU TRÚC CỦA THỂ LOẠI TIỂU LUẬN TUYỂN SINH TRONG TIẾNG ANH

1. Mở đầu

Trong hai thập niên trở lại đây, du học ở các nước phát triển, đặc biệt ở các nước nói tiếng Anh, là xu hướng lựa chọn của nhiều gia đình có điều kiện. Một trong những điều kiện được xét tuyển là một bài luận được viết bằng tiếng Anh, thuật ngữ tiếng Anh là *Admission essay* hay *Personal statement* - chúng tôi tạm dịch là *Tiểu luận tuyển sinh* (TLTS). Bài luận này đóng vai trò then chốt trong việc quyết định xem ai trong số những ứng viên đủ năng lực là người xứng đáng nhất để được tuyển chọn, vì nếu chỉ dựa vào học bạ và kết quả thi TOEFL, IELTS, SAT, hay GRE thì xem như ứng viên nào cũng đủ tiêu chuẩn. Bài luận được xem là một thước đo đáng tin cậy về tư chất của mỗi ứng viên, cái mà những điểm số đơn thuần trong học bạ, bảng điểm không cung cấp được. Bài luận còn là cơ sở để hội đồng tuyển sinh tìm ra những cá nhân ưu tú, nổi bật nhất - sáng tạo, độc đáo, vượt trội nhất trong số hàng ngàn, thậm chí hàng chục ngàn hồ sơ các trường nhận được hàng năm.

Để tìm hiểu về thể loại TLTS, qua internet, chúng ta có thể tìm thấy những chia sẻ, những hướng dẫn từ

kinh nghiệm của bản thân những người đi trước; chúng ta cũng có thể đọc nhiều bài mẫu của những ứng viên đã thành công qua xét tuyển. Tuy nhiên, dầu có một vai trò quan trọng như thế, những mô tả chi tiết và những hướng dẫn khoa học, cụ thể về thể loại này vẫn còn bỏ ngõ.

Martin có nhận xét: “Có lẽ thật chí lí khi cho rằng chúng ta không thể viết nếu trước hết chúng ta không biết ngôn ngữ, nhưng cũng xác đáng không kém nếu cho rằng chúng ta không thể viết nếu chúng ta không nắm ngữ cảnh và cấu trúc của thể loại diễn ngôn thích hợp” [6, 162]. Vì thế, để có những hiểu biết một cách hệ thống hơn về thể loại TLTS, chúng tôi tiến hành khảo sát đối tượng này dưới ánh sáng của lí thuyết phân tích diễn ngôn. Mục đích của bài viết này là xác định những đặc trưng về cấu trúc của thể loại. Với khái niệm “cấu trúc”, chúng tôi sẽ thảo luận không chỉ cấu trúc hình thức truyền thống với kết cấu ba phần *mở bài, thân bài, kết luận*, mà chúng tôi còn đi xa hơn, tìm hiểu *cấu trúc chức năng*, như đã được thảo luận trong nhiều công trình về phân tích diễn ngôn theo quan điểm chức năng [5], [9], [19] nhằm xác định các thành tố

nội dung trong mỗi phần và phân tích các chiến lược xây dựng các thành tố nội dung đó. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tìm hiểu về ngữ cảnh của thể loại này.

Dữ liệu nghiên cứu là 40 bài được chọn ngẫu nhiên từ các tuyển tập các TLTS được xem là thành công (*accepted, successful*) [4], [7], [15], [16], [17], [18]. Đây là những sách của những nhà xuất bản uy tín ở Mỹ, và những người biên tập, tổng hợp sách cũng là những cố vấn, chuyên gia về công tác tuyển sinh ở các trường đại học/ cao đẳng ở Mỹ.

2. Khái niệm

2.1. Theo Sebranek và các cộng sự [12, 145], TLTS thuộc thể loại viết về bản thân (*Personal writing*) - những văn bản với chính tác giả là nhân vật trung tâm. Đối tượng tiếp nhận các TLTS là những người hoàn toàn xa lạ với người viết - đó là hội đồng tuyển sinh ở các trường đại học/ cao đẳng, hay những giáo sư, chuyên gia có uy tín. Bài thường được viết ở ngôi thứ nhất số ít (*I - Tôi*), phát triển theo thủ pháp tuyến tính - lần hồi mở ra các diễn biến của một câu chuyện, một trải nghiệm. Bài cũng có thể bao gồm thành phần diễn giải hay/ và phân tích. Ngôn ngữ thường cởi mở, chân thành nhằm mục đích chuyển tải những suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân người viết một cách chân thành, sâu sắc nhất. Mục đích của TLTS là thu hút sự chú ý của người đọc, xây dựng hình ảnh về năng lực, tư chất của bản thân, và qua đó để giành được suất vào chương trình học mà tác giả đang nhắm đến. Nói cách khác, TLTS là công cụ, cơ

hội để người viết bộc lộ những gì rất riêng, độc đáo, nổi trội của bản thân mình nhằm thuyết phục hội đồng tuyển sinh nhận mình vào trường của họ hơn là những ứng viên khác.

2.2. TLTS có giới hạn từ 250 đến 1000 từ. Các trường khác nhau có thể đưa ra các chủ đề khác nhau, hay người viết cũng có thể được cho phép tự lựa chọn một chủ đề tự do. Phân tích chủ đề của các TLTS trong các tuyển tập nói trên, chúng tôi thấy có các chủ đề sau: (a) một trải nghiệm, thành tựu, hay tình huống mà bạn đã trải qua, có ý nghĩa, đáng nhớ, có ảnh hưởng đối với bạn; (b) một vấn đề đáng quan tâm của cá nhân, địa phương, quốc gia, hay quốc tế và tầm quan trọng của vấn đề đó đối với bạn; (c) một người có ảnh hưởng quyết định đối với bạn; (d) một nhân vật giả tưởng hay phi giả tưởng, một tác phẩm nghệ thuật hay khoa học có ảnh hưởng đối với bạn. Starkey [14, 15] cho rằng thuật lại trải nghiệm của bản thân là phương tiện để người viết làm rõ những gì, những ai đã giúp hình thành nhân cách, cá tính, và mục tiêu của mình trong cuộc sống.

Cần phải nhớ rằng chủ đề không phải là yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định chọn hay không chọn của hội đồng tuyển sinh mà chính là tài viết của tác giả mới đóng vai trò quyết định. Qua bài TLTS, hội đồng tuyển sinh có thể đánh giá không chỉ khả năng viết xuất sắc của ứng viên - về dùng từ, về ngữ pháp, ý tứ, mạch lạc, mà quan trọng hơn chính là sự sáng tạo và độc đáo của người viết - những gì thể hiện sự nổi trội của người viết.

3. Kết quả và thảo luận

Kết quả phân tích cho thấy kết cấu chung của bài TLTS gồm 4 phần: *tựa đề, mở bài, thân bài, và kết luận*, trong đó tựa đề là thành phần linh hoạt, không luôn có mặt (chiếm tỉ lệ 82.5%), 3 phần còn lại là cố định (chiếm tỉ lệ 100%).

3.1. *Tựa đề*: Tất cả các tựa đề đều là cụm danh từ hay mệnh đề danh từ. Hai kiểu kết cấu này giúp người viết giới thiệu chủ đề của bài viết một cách súc tích nhất. Các chức năng của tựa đề là giới thiệu chủ đề, lôi cuốn người đọc, và chuyển tải tinh thần chung của câu chuyện sắp được mở ra. Có thể nhận ra hai kiểu viết tựa đề: tựa đề trực tiếp về người viết (như thí dụ 1, 2) và tựa đề miêu tả (như thí dụ 4, 3), trong đó loại tựa đề trực tiếp về người viết có tần suất sử dụng gấp 3 lần loại miêu tả (75.7% và 24.3%).
Thí dụ:

(1) *A personal challenge (Một thách thức với chỉ riêng tôi)*

(2) *How Rockey changed my life (Rockey đã thay đổi cuộc đời tôi như thế nào)*

(3) *Hurricane Andrew (Con bão Andrew)*

(4) *Visits to the hospital (Những lần đến thăm viện)*

3.2. *Phần mở đầu*: Trong một bài luận truyền thống, theo các tài liệu hướng dẫn viết luận [10], [11], [13], phần mở đầu có kết cấu 2 phần - dẫn nhập (general statements) và lập luận chủ hướng (thesis statement). Phần dẫn nhập có mục đích giới thiệu với người đọc về chủ đề chung, rồi dần dần thu hẹp lại đến chủ điểm chính

của bài, được xác định ở lập luận chủ hướng. Lập luận chủ hướng không chỉ xác định chủ đề chung của bài mà còn các tiểu chủ đề hay bố cục của bài viết.

Tuy nhiên, rất khác với bài luận truyền thống, ở TLTS, phần mở đầu có thể bao gồm 2 hoặc chỉ 1 trong 3 thành tố sau: *cảnh huống, lập luận chủ hướng, chiến lược thu hút sự chú ý*. Chiếm tỉ lệ lớn nhất là sự kết hợp 1 cảnh huống và 1 lập luận chủ hướng (32.5%), tiếp theo là kết hợp 1 chiến lược thu hút và 1 lập luận chủ hướng (27.5%) và chỉ 1 cảnh huống (25%). Chiếm một tỉ lệ nhỏ là các phần mở đầu chỉ có 1 lập luận chủ hướng (10%) hay chỉ một chiến lược thu hút sự chú ý (0.5%).

Starkey [51, 90] chỉ ra rằng sự khác nhau giữa một bài luận thông thường và một TLTS xuất phát từ yếu tố thời gian của người đánh giá: trong khi các giáo viên trong trường thường có một khoảng thời gian thích hợp để đánh giá mỗi bài luận thì các thành viên trong hội đồng tuyển sinh thường chỉ dành 2, 3 phút cho mỗi bài TLTS. Vì thế, mở đầu theo tiêu chuẩn thông thường không thể phát huy được hiệu quả, mà phần mở đầu phải được viết sao cho có thể lập tức thu hút người đọc, lôi cuốn họ tiếp tục đọc những nội dung tiếp sau.

Nếu lập luận chủ hướng là một thành tố không thể thiếu trong một bài luận truyền thống thì trong TLTS người viết đôi khi cố tình “không bật mí” chủ đề nhằm khơi gợi sự tò mò của người đọc, để cuốn người đọc tiếp tục vào các đoạn tiếp theo. Vì thế, trong khối liệu phân tích, có những

bài không có câu xác định lập luận chủ hướng. Về các chiến lược thu hút, đó có thể là một lời trích dẫn từ các tác phẩm, nhân vật nổi tiếng (như 5), một câu hỏi khiến người đọc suy ngẫm (như 6), hay một phát biểu lạ, có thể gây ngạc nhiên (như 7).

(5) "I am convinced that life is 10 percent what happens to me and 90 percent how I react to it," *Charles Swindoll lectured in his famous speech entitled "Attitude". By overcoming a tormenting affliction, I have developed one of my most treasured gifts* [4, 45].

("Tôi tin rằng cuộc sống bao gồm 10% những gì xảy đến với tôi và 90% là những gì tôi đáp trả lại cuộc sống," *Charles Swindoll đã phát biểu thể trong bài diễn văn "Thái độ" nổi tiếng của ông. Vượt qua được một nỗi đau lớn, tôi đã dành được một trong những phần thưởng tôi trân trọng nhất.*)

(6) "Coffee or tea?" *A simple enough question seemingly requires an absentminded, automatic reply. Clearly, in this world one is either a coffee or a tea drinker. I, however, am an exception to this rule; I constantly vacillate between coffee and tea. My enjoyment of both drinks does not stem merely from flexible tastebuds, nor does it originate in a desire to be as little trouble as possible by drinking whatever is available. Rather, this ambivalence depicts two distinct sides of my personality* [18, 174].

("Cà phê hay trà?" *Câu hỏi đơn giản ấy dường như chỉ cần lơ đãng trả lời. Rõ ràng, sống trên đời thì người ta hoặc uống trà hoặc uống cà phê. Ấy thế mà tôi lại là ngoại lệ. Tôi khi*

thì cà phê, khi thì trà. Tôi yêu cả hai không phải đơn giản là tôi muốn đổi thay, hay ngại bất tiện nên có gì thì dùng nấy. Đúng hơn, tính nước đôi này phản ánh hai khía cạnh khác nhau trong nhân cách của bản thân tôi.)

(7) *I have been telling lies all my life. It's not as if my lies are malicious or even self-serving. I just like to test people's credulity with fantastic stories of my own invention which I am somehow able to tell with a very straight face* [18, 135].

(Suốt đời tôi cứ mãi nói láo. *Dường như không phải tôi có ác ý hay thậm chí tự thỏa mãn. Đơn giản là tôi muốn thử sự nhẹ dạ của người khác bằng những câu chuyện tự mình bịa đặt rồi kể với nét mặt tỉnh không.*)

Kết quả khảo sát còn cho thấy một đặc điểm khác của thể loại này là phần mở đầu có thể bao gồm đến 2 đoạn văn, mà thông thường 1 trong 2 đoạn đó là đoạn gồm chỉ 1 câu. Theo Chelsea [1, 63], đoạn văn 1 câu là một chiến lược nhấn mạnh rất hiệu quả, nhằm thông báo với người đọc rằng "Điều này rất quan trọng".
Thí dụ 8:

I'm in a gang.

We're not a small group; this gang spans the entire nation, with offshoots in 116 countries around the world. The members of my gang are devoted and live their lives based on a code of conduct to which they are forever sworn. We will never all meet, but we all share the same belief and ideas [16, 158].

(Tôi thuộc một băng nhóm.

Bọn tôi không phải là một nhóm nhỏ; băng này có tay chân khắp cả nước, còn có nanh vuốt ở 116 quốc gia khác trên thế giới. Các thành viên đầy cống hiến và sống theo những tôn chỉ mà họ đã thề nguyện. Tất cả chúng tôi không bao giờ gặp nhau, nhưng tất cả chúng tôi có cùng niềm tin và tư tưởng.)

(9) I have a soft voice. When I was younger, I did not like to present oral reports to my class because my voice did not carry. I have always desired a powerful voice, a voice that beckoned others to listen, captivated them and provoked them into absorbing the thoughts I expressed.

I was not born with this voice [7, 78].

(Tôi có giọng nói nhỏ nhẹ. Hồi còn bé, tôi thường không thích trình bày báo cáo miệng trước lớp vì giọng tôi cất không nổi. Tôi luôn ước ao sở hữu một giọng nói mạnh mẽ, khiến những người khác phải lắng nghe, thu nhận và suy nghĩ những gì tôi nói ra.

Mà tôi đâu được trời phú một chất giọng như thế.)

3.3. *Phần thân bài:* Trong khi phần mở đầu có chức năng thu hút người đọc, mở ra một cảnh huống, và giới thiệu chủ đề, thì phần thân bài có chức năng tiếp nối cảnh huống, chủ đề ấy, nhằm hoàn chỉnh bức tranh về những sự việc hay những nhân vật đã góp phần hình thành nhân cách, cá tính, mục đích sống của người viết.

Phân tích nội dung của các TLTS cho thấy trong phần thân bài có thể có 4 thành tố nội dung - giới thiệu về

bản thân, trình bày những trải nghiệm của bản thân, mô tả (nhân vật), và mục đích của bản thân. Thân bài thường được xây dựng với các thành tố theo thứ tự lần lượt là *trình bày những trải nghiệm của bản thân* ^ *mô tả (nhân vật)* ^ *mục đích của bản thân*; chỉ có thành tố *giới thiệu về bản thân* là không cố định, nó có thể đứng trước hay sau bất cứ thành tố nào. Mỗi thành tố có thể được phát triển từ 1 đến 4 đoạn văn. Cũng khác với bài văn truyền thống, trong các đoạn văn, hiếm khi có câu chủ đề (topic sentence). Chiếm tỉ lệ lớn là 2 thành tố *giới thiệu về bản thân* và *trình bày những trải nghiệm của bản thân* (100% và 76.5%). Đặc điểm này là hoàn toàn hiển nhiên, xuất phát từ chức năng của thể loại này là xây dựng hình ảnh của người viết nhằm mục đích thuyết phục người đọc. Thành tố *mô tả* thường được tìm thấy trong các bài viết về nhân vật có ảnh hưởng lớn đối với tác giả, có tỉ lệ 32.5 %. Cuối cùng, chiếm tỉ lệ thấp nhất là thành tố *mục đích*. Qua kết quả thống kê, dễ dàng nhận thấy rằng, trong một bài TLTS, hiếm khi có đầy đủ cả 4 thành phần. Sau đây là một thí dụ trong đó phần thân bài bao gồm 3 thành tố (chúng tôi đặt tên các thành tố trong dấu (...)).

(10) (Những trải nghiệm) I gazed out upon the green rolling hills, but my eyes soon fixed upon the tiny community below nestled between the hills and the mighty Ohio River. I knew the town well for it was my hometown, ...

A teacher once told me that nearly everything that I would come to believe would be rooted in my hometown. ...

(Giới thiệu bản thân) *This community has taught and instilled every value that I hold true today. I've learned to value hard work (...). My school and community have taught me to value education and to develop a hunger for learning. My grandmother has taught me to be honest and compassionate while my mother has instilled my vision and self-discipline.*

More than any other value, I have been taught to be loyal. I know (...).

(Mục đích) *Many of my friends talk of leaving West Virginia and never return. I understand their views, but I disagree. I look forward to the day that I can return and make an impact. We must take back our state. It is time to return to the tradition of the proud mountaineer. This place, formed by Lincoln's pen and forged in the fires of war, will improve only through the combined efforts of all of west Virginia's best and brightest [18, 166].*

(Hướng về phía những ngọn đồi thoải thoải, mắt tôi chột dán chặt vào một cộng đồng nhỏ đang ngự giữa những ngọn đồi và dòng Ohio kiêu hãnh. Tôi biết vùng này rõ như lòng bàn tay vì đó là quê hương tôi. (...). Một thầy giáo có độ nói với tôi rằng gần như mọi thứ tồn tại trong niềm tin của mỗi người đều có gốc gác từ quê hương. (...). Cộng đồng này đã dạy cho tôi và ghi khắc vào lòng tôi tất cả những gì tôi trân trọng hôm nay. Tôi biết trân trọng sự cần lao. Nhà trường và cộng đồng dạy tôi biết trân trọng học vấn và khát khao sự học. Bà đã dạy tôi biết sống trung thực, còn mẹ thì xây đắp cho tôi tầm nhìn và ý thức tự kỉ luật. (...). Hơn hết thầy, tôi

được giáo dục phải biết sống trung thành. Tôi còn biết (...). Nhiều bè bạn đã nói đến chuyện rời xa miền Tây Virginia này và không bao giờ trở lại. Hiểu quan điểm của họ, nhưng không đồng nghĩa là tôi đồng ý. Tôi mong đến ngày tôi được trở về, mang theo sự thay đổi. Chúng tôi phải lấy lại tiểu bang. Đã đến lúc phải trở lại với truyền thống của những người miền sơn cước đáng tự hào. Mảnh đất này, sinh ra từ ngòi bút của Lincoln và phát triển trong ngọn lửa chiến tranh, sẽ đi lên chỉ từ những nỗ lực kết đoàn của tất cả những người con ưu tú nhất miền Tây Virginia.)

Gần 1/3 (32.5%) bài viết có thành tố mô tả. Mục đích của thành tố này là về nên chân dung của nhân vật đã có ảnh hưởng sâu sắc đến tác giả. Vì thế, nó thường được khắc họa không chỉ một cách sinh động mà còn khá chi tiết, không chỉ bao gồm những hành động mà còn cả tính cách và hình ảnh. Trong cứ liệu khảo sát, thành tố này thường có dung lượng tương đối lớn - 2, 3 đoạn văn (nên trong giới hạn của một bài viết, chúng tôi không cung cấp dẫn chứng minh họa).

3.4. *Phản kết luận:* Trong một bài luận thông thường, phản kết luận có chức năng kết thúc bài viết bằng cách tóm tắt lại các ý chính đã được đề cập trong bài. Nhưng phản kết luận trong một TLTS thì khác: nó không đề tóm tắt các nội dung đi trước mà là để đưa câu chuyện của tác giả đến hồi kết một cách hay nhất, sao cho những gì đã trình bày có thể đọng lại trong lòng, trong tâm trí của người đọc. Kết quả phân tích cho thấy một

số chiến lược được sử dụng để xây dựng một kết luận có ấn tượng như sau:

- Đưa người đọc trở về thực tại: Tác giả cho thấy hiện tại mình là ai, như thế nào, nhằm giải thích những ảnh hưởng của những nội dung trong phần thân bài đối với tác giả. Thí dụ:

(11) *I will treasure my experience in California. It's the kind of memory that sticks like a person's first kiss. My trip instilled knowledge, awareness and hope in me. Because of this single experience, I believe I am a better person. Experiences can be diamonds in the rough, unsuspecting and silent until someone discovers them. Not only do experiences provide memories to savor but lessons for living [7, 69].* (Tôi sẽ mãi ấp ủ trải nghiệm của mình ở California. Nó là một kỉ niệm sâu sắc, như một nụ hôn đầu tiên. Chuyến đi đã mang lại cho tôi kiến thức, nhận thức và hi vọng. Duy chỉ với một trải nghiệm này thôi mà tôi thấy tin rằng mình đã trở thành một con người tốt đẹp hơn. Trải nghiệm có thể là những hạt kim cương trong đá, vô tư, lặng lẽ mãi cho đến khi có ai đó khám phá ra chúng. Trải nghiệm không chỉ là kỉ niệm để nhớ mà còn là những bài học để sống.)

- Giải thích bài học, kinh nghiệm mà tác giả đã rút ra được: Tác giả giải thích bài học, lợi ích tác giả rút ra được từ trải nghiệm đã được trình bày ở phần thân bài. Thí dụ:

(12) *Friday afternoon, I am on my way home, staring out the car window, seeing yet not seeing, the trees rush by. As I reflect back on the past few days, I realize that I have grown. There*

is a strength within me that held firm through a pair of difficult events that came to me simultaneously. I can call on that strength when I need it in the future, as I continue to strive for success [4, 56].

(Một chiều thứ sáu, trên đường về, qua làn kính xe, tôi đưa mắt nhìn mà chẳng thấy cây cối chạy ngang. Khi nhớ lại những ngày vừa qua, tôi chợt nhận ra rằng mình đã trưởng thành. Có một sức mạnh trong tôi, cứng cáp qua tất cả những nghịch cảnh tôi đã phải trải qua. Sức mạnh đó, tôi có thể dựa vào trong tương lai, khi tôi vẫn còn khát vọng thành công.)

- Liên kết nội dung đang trình bày với giấc mơ du học: Tác giả bày tỏ lí do, nguyện vọng được du học. Thí dụ:

(13) *I wish to extend the fulfillment of overcoming challenges with a University of Michigan Education. The standard of academic excellence that the University provides will serve as a superior foundation to build my future upon. My dream is to pursue a career in medicine where my work will propel my patients to experience the joy of conquering adversity [16, 78].* (Tôi ước được đi xa hơn việc đương đầu với những thách thức bằng cách vào Đại học Michigan. Nền tảng học vấn ở Đại học Michigan sẽ là bệ phóng trên đó tôi kiến tạo tương lai mình. Tôi mơ sẽ theo đuổi ngành y, ở đó công việc sẽ cho tôi cơ hội giúp cho những bệnh nhân của mình tìm thấy niềm vui trong đấu tranh với nghịch cảnh.)

- *Xác định ý nghĩa:* Tác giả khẳng định ý nghĩa của điều mình đã trình bày ở phần thân bài, đối với bản thân, đối với những thế hệ tương lai, với xã hội, hay/ và đề xuất hướng giải quyết. Thí dụ:

(14) *Wessels has not permitted me to read his book at home, to constantly observe and note details of familiar woods to give me a story, but he has also allowed me to question the lands I've never been to before, and let me imagine and speculate vast forests of the future, places that have never been, and may never be, save for the realm of imagination [4, 67].*

(*Wessels không cho phép tôi đọc sách của cậu ấy ở nhà, không cho phép tôi quan sát và ghi chép những chi tiết về những khu rừng quen thuộc mà có thể giúp tôi viết một câu chuyện, nhưng cậu ấy lại để cho tôi thắc mắc về những miền đất mà tôi chưa một lần đặt chân đến, để cho tôi tưởng tượng và suy ngẫm về những khu rừng mê mông của tương lai, về những lãnh địa chưa bao giờ, mà có lẽ chẳng bao giờ, là an toàn cho những lĩnh vực của trí tưởng tượng.*)

- *Nhắc lại nội dung ở phần mở đầu:* Tác giả lặp lại ý chính đã xác định ở phần mở đầu. Thí dụ:

(15) (Mở đầu) *In spite of the various extracurricular activities I've done and interesting people I've met, not one event or person has been more meaningful to me than my father's preparation of breakfast...*

(Kết luận) *My father completes the tradition of preparing breakfast by soaking the dirty pan in the sink. As*

he does, I think of how fortunate I am. Some people only have one meaningful event in their lives, but I have one every single morning [18, 18 - 119].

(*Bất chấp những hoạt động ngoại khóa đa dạng mà tôi đã được tham gia và những người thú vị mà tôi đã được gặp, không gì, không ai có thể có ý nghĩa đối với tôi hơn việc bố đã chuẩn bị bữa điểm tâm cho tôi Bố*

hoàn thành việc chuẩn bị bữa ăn sáng bằng việc nhúng cái chảo bẩn vào bồn rửa. Lúc làm thế, tôi thấy mình thật may mắn biết bao. Người ta chỉ có thể có một kỷ niệm đáng nhớ trong đời, còn tôi thì có được một kỷ niệm như thế mỗi sớm mai thức dậy).

4. Kết luận

4.1. Dưới ánh sáng của lí thuyết *Phân tích diễn ngôn*, đặc biệt từ quan điểm *chức năng*, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thể loại TLTS trong tiếng Anh - một trong những yêu cầu trong hồ sơ đăng kí tuyển sinh vào các trường đại học/ cao đẳng của các nước nói tiếng Anh. TLTS là thước đo tư chất, sự độc đáo, tính sáng tạo của mỗi ứng viên, cái mà những điểm số đơn thuần trong học bạ và những chứng chỉ ngoại ngữ không phản ánh được.

Kết quả khảo sát đã cung cấp những mô tả, thảo luận chi tiết cùng những dẫn chứng minh họa về cấu trúc chung cũng như cấu trúc chức năng của từng phần mở đầu, thân bài, và kết luận của thể loại TLTS. Kết quả phân tích cũng đã cho thấy TLTS có cấu trúc rất linh hoạt, mềm dẻo, nên

một bài TLTS xuất sắc phản ánh sự sáng tạo cao, ý tưởng độc đáo của người viết.

4.2. Chúng tôi hi vọng rằng, với những kết quả nghiên cứu này, những ai đối diện với nhu cầu viết một bài TLTS sẽ có thể viết được những bài viết hiệu quả hơn, thành công hơn. Ở Việt Nam, trong các chương trình phát triển kỹ năng viết cho người học tiếng Anh, từ phổ thông cho đến đại học chuyên ngành tiếng Anh, *viết luận* luôn là nội dung không thể thiếu. Tuy nhiên, cũng như các thể loại viết sáng tạo, tự do khác, TLTS vẫn chưa được đề cập đến. Công trình này được thực hiện với mong muốn góp một phần nhỏ lấp dần khoảng trống ấy. Kết quả phân tích đã chỉ ra nhiều sự khác biệt giữa một bài TLTS với một bài luận truyền thống, cung cấp cho những ai quan tâm một số kiến thức nhất định về thể loại này nói chung và về cấu trúc chức năng của thể loại nói riêng.

4.3. Trong phạm vi công trình này chúng tôi chỉ khảo sát đặc trưng về cấu trúc chức năng. Chúng tôi hi vọng công trình này sẽ gợi mở cho những nghiên cứu tiếp sau về thể loại này, như xác định những đặc trưng về từ vựng và cấu trúc câu của thể loại, hay xác định những đặc trưng văn hóa của các nhóm tác giả các TLTS từ các nền văn hóa khác nhau. Những nghiên cứu như thế sẽ là những đóng góp nhất định cho lý thuyết phân tích thể loại diễn ngôn và cho thực tiễn

dạy - học kỹ năng viết tiếng Anh cho người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chelsa L., *Write better essay in just 20 Minutes a Day*, Learning Express, LLC, 2006.
2. Ding H., *Genre analysis of personal statements: Analysis of moves in application essays to Medical and Dental Schools*, *English for Specific Purposes*, 26, 368 - 392, 2007.
3. Ehrenhalt G., *Writing a successful college application essay*, Baron's Educational Inc., 2008.
4. Gelb A., *Conquering the college admissions essay in 10 Steps: Crafting a winning personal statement*, Crown Publishing Company, 2008.
5. Halliday M.A.K., *An introduction to Functional grammar*, Edward Arnold, 1994.
6. Martin J.R., *Language, register and genre*, Trong: Burns A. and Coffin, C., *Analysing English in a global context - A reader*, tr. 149 - 166, Arnold, 2001.
7. Mc.Ginty S., *The college application essay*, The College board, 2004.
8. Nguyen Hanh, *Application essays written by Vietnamese and American Students: A Contrastive Genre-analysis*, on <http://www.languages.ait.ac.th/hanoi-proceedings/nhanh.htm>.
9. Nguyễn Hòa, *Phân tích diễn ngôn - Một số vấn đề về lý luận và phương pháp*, Nxb ĐHQG, H., 2003.

10. Oshima A. & Hogue A., *Writing academic english*, Addison - Wesley Publishing Company, 1991.
11. Reid J.M., *The process of composition*, Prentice Hall, Inc., 1982.
12. Sebranek P. et al, *Write for college - a student handbook*, USA: Great Source Education Group Inc., 1997.
13. Smalley L. & Ruetten K., *Refining composition skills*, MacMillan Publishing Company, 1986.
14. Starkey L., *How to write great essays*, Learning Express, LLC, 2004.
15. Stewart M.A and Muchnick C.C., *Best college admission essays*, Peterson's Publishing Company, 2000.
16. Tanabe G., and Tanabe K., *Accepted! 50 successful college admission essays*, Super college, LLC, 2002.
17. *The Staff of the Harvard Crimson, 50 successful Harvard application Essays*, 2002.
18. *The Staff of the Harvard Independent, 100 Successful College Application Essays*, 2002.
19. Tôn Nữ Mỹ Nhật, *Cấu trúc và cấu trúc chức năng của diễn ngôn*, T/c Ngôn ngữ, Số 8, 2006.

SUMMARY

In the light of *Discourse Analysis*, this article deals with the functional structure of the genre of *admission essay* in English - one of the requirements of the application to English-speaking colleges and universities. We apply *Functional Grammar* as a tool to analyze the essays; the major research methods are qualitative, quantitative, and descriptive methods. The results documents the elements of the introduction, the body, and the conclusion as well as the strategies made use of to build up these elements. The analysis also indicates some differences between the genre in question and the English traditional essay.